

Số: 66/TM-BVM&DL

V/v mời chào giá các mặt hàng hóa chất, vật tư
xét nghiệm, siêu âm và các loại vật tư y tế phục
vụ công tác chuyên môn

Hải Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hóa chất, vật tư y tế

Bệnh viện Mắt và Da liễu tỉnh Hải Dương hiện đang có kế hoạch tổ chức đấu thầu mua sắm hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, siêu âm và các loại vật tư y tế phục vụ công tác chuyên môn tại bệnh viện.

Để có cơ sở lập kế hoạch mua sắm, Bệnh viện kính mời các quý công ty có năng lực cung cấp thông tin và báo giá hàng hoá theo nội dung sau:

1. Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, siêu âm và các loại vật tư y tế (theo danh mục đính kèm tại Phụ lục I) và báo giá hàng hoá (theo mẫu đính kèm tại Phụ lục II)

2. Thời gian nhận báo giá: trước 16h ngày 25 tháng 6 năm 2023.

3. Hình thức nhận báo giá: nộp trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh 01 bản cứng có đóng dấu và gửi 01 bản scanner PDF về địa chỉ Email: todauthauhd@gmail.com

4. Địa điểm nhận báo giá:

- Phòng Kế hoạch – chỉ đạo tuyến – điều dưỡng Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương, Ngõ 144 Quang Trung, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Số điện thoại liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Mai Yên 0974.507.113

Đ/c Võ Thị Giang 0988.244.622

Lưu ý: Quý công ty vui lòng không xóa hay thay đổi thứ tự, vị trí các cột, các dòng, các nội dung trong danh mục báo giá. Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi chú không có.

Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của các Quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (để đăng tải website SYT);
- CNTT (để đăng Website BV);
- Lưu: VT, TĐT



VŨ VĂN KHOẠI

(Kèm theo công văn số :66/ TM-BVM&DL ngày 15/6/2023 của Bệnh viện
Mắt và Da liễu Hải Dương)



PHỤ LỤC 1:

**DANH MỤC HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, SIÊU ÂM VÀ CÁC LOẠI VẬT TƯ
PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN**

Phần thầu số 1 : Hóa chất xét nghiệm Huyết học theo máy Sysmex (XN - 330)

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Dung dịch đếm hồng cầu	Công dụng: dung dịch đo nồng độ huyết sắc tố Bảo quản: ở 2 - 30 độ C Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/l	Lít	6
2	Dung dịch pha loãng	Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Thành phần: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02%	Lít	300
3	Dung dịch ly giải tế bào	Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Bảo quản: 2 - 35 độ C Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17%	Lít	15
4	Dung dịch nhuộm tế bào	Công dụng: sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9%	ml	168
5	Dung dịch rửa máy	Công dụng: dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa clo tỷ lệ 5,0%)	ml	400
6	Chất kiểm chuẩn mức 1	Lọ 3ml x 1	ml	12
7	Chất kiểm chuẩn mức 2	Lọ 3ml x 1	ml	12
8	Chất kiểm chuẩn mức 3	Lọ 3ml x 1	ml	12

Phần thầu số 2: Hóa chất xét nghiệm Huyết học theo máy Celltac Alpha (Mek-6420K)				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Hóa chất pha loãng	Dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate Quy cách đóng gói: Can 18 lít	Lít	270
2	Hóa chất phá vỡ hồng cầu để đo huyết sắc tố	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	Lít	4,9
3	Dung dịch cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	Lít	10
4	Máu chuẩn 3DN	Hóa chất dùng để chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức trung bình	ml	15
5	Dây bơm	vật tư thay thế cho máy celltac alpha	cái	10
Phần thầu số 3: Xét nghiệm nước tiểu theo máy Siemens (Clinitek status)				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến

1	Que thử nước tiểu 10 thông số	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leuk ^o Cyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin LeukoCyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL	que	12000
2	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Glucose; crystalline bilirubin; sodium methyl acetoacetate; bovine hemoglobin; bovine serum albumin; 5-(4-sulfobutoxy)-2-methylindole sodium salt; sodium nitrite; protease (fungal)	que	300
3	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu - Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea	que	300

Phần thầu số 4: Vật tư dùng chung

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Gel siêu âm	Gel siêu âm APM Sonic - Can 5 lít	Can	6
2	Giấy in siêu âm	Cỡ giấy 110mm x 20m.	Cuộn	100
3	Gel điện tim	Chai 250ml	Chai	9

4	Giấy in điện tim 3 cần	Hộp 10 cuộn; Cỡ giấy 63mm x 30m.	Cuộn	10
5	Ống nghiệm chống đông EDTA	Sử dụng ống nhựa PP 5ml (12x75) trung tính. Ống chứa chất kháng đông EDTA giữ các tế bào trong máu ở trạng thái tách rời tối đa lên đến 8 giờ.	Cái	14.000
6	Ống nghiệm nước tiểu	Ống nghiệm làm bằng chất liệu thủy tinh.	Cái	500
7	Đầu côn vàng	Túi 1000 cái.	Cái	1.000
8	Đầu côn xanh	Túi 500 cái.	Cái	1.000
9	Lamen	Kích thước 22x22 mm, được làm bằng thủy tinh, sạch và đánh bóng. Đồng đều về cắt và độ dày, chính xác về kích thước. Bề dày: 0,13 - 0,17 mm;	Cái	5.000
10	Giấy in điện tim 6 cần	Kích thước: 110mm x140mm x143 tờ (dạng xấp), trắng không kẻ, có dòng kẻ.	Tập	10
11	Lam kính tròn	Kích thước: 25,4mm x 76,2mm. Dày 1,0 1,2 mm.	Cái	5.000

Phần thầu số 5: Hóa chất xét nghiệm sinh hóa

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Direct Bilirubin	Định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người. -Thành phần: R1: Sulfamic acid ≥ 100 mM; R2: 2,4-DPD ≥ 0.5 mM; Hydrochloric acid (HCL) ≥ 0.3 M. - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240 \text{ mL} + 1 \times 60 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	900
2	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin total	Định lượng Bilirubin toàn phần trong máu toàn phần người. - Thành phần: R 1: Surfactants: $< 1\%$; Hydrochloric acid (HCl): ≥ 160 mM; R2: 2,4-DPD: ≥ 2 mM; Hydrochloric acid (HCl): ≥ 120 mM; Surfactants: $< 1\%$. - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240 \text{ mL} + 1 \times 60 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	900
3	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Định lượng Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người. - Thành phần: PIPES pH 6,9: ≥ 90 mmol/L; Phenol: ≥ 26 mmol/L; Cholesterol esterase (CHE): ≥ 1000 U/L; Cholesterol oxidase (CHOD): ≥ 300 U/L; Peroxidase (POD): ≥ 650 U/L; 4 - Aminophenazone (4-AP): $\geq$	ml	1000

		0,4mmol/L - CHOLESTEROL CAL: Cholesterol dung dịch nước tiêu chuẩn chính ≥ 200 mg/dL; Chứa Triton X-114: 10-15% - Quy cách: Hộp $\geq (10 \times 25$ mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.		
4	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy người. Thành phần: R1: Tris pH 8.25: ≥ 92 mmol/l; Phenol: ≥ 0.3 mmol/l; Glucose oxidase (GOD) ≥ 15000 U/L; Peroxidase (POD): ≥ 1000 u/L; 4-Aminophenazone (4-AP): ≥ 2.6 mmol/l; - Glucose CAL: nồng độ Glucose: ≥ 100 mg/dl. - Quy cách: Hộp $\geq (2 \times 250$ mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	6000
5	Hóa chất xét nghiệm GOT /ASAT (men tế bào:gan,tim)	Định lượng GOT trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: Tris pH 8.25: ≥ 80 mmol/l; Lactate dehydrogenase (LDH): ≥ 800 U/L; Malate dehydrogenase (MDH): ≥ 600 U/L, L-Aspartate: ≥ 200 mmol/l; R2: NADH: ≥ 0.18 mmol/l; A-Ketoglutarate: ≥ 12 mmol/l - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240$ mL + 1×60 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	1200
6	Hóa chất xét nghiệm GPT /ALT (Men gan)	Định lượng GPT trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R1: Tris pH 7.8: ≥ 100 mmol/l; Lactate dehydrogenase (LDH): ≥ 1200 U/L; L-Alanine: ≥ 500 mmol/l; R2: NADH: ≥ 0.18 mmol/l.; α -Ketoglutarate: ≥ 15 mmol/l - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240$ mL + 1×60 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	1200
7	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Định lượng Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người. - Thành phần: R: GOOD pH 6.3: ≥ 50 mmol/L; p-Chlorophenol: ≥ 2 mmol/L; Lipoprotein lipase (LPL): ≥ 150.000 U/L; Glycerol kinase (GK): ≥ 500 U/L; Glycerol-3-oxidase (GPO): ≥ 3500 U/L; Peroxidase (POD): ≥ 440 U/L; 4-Aminophenazone (4-AP) $\geq 0,1$ mol/L; ATP: $\geq 0,1$ mmol/L. - Quy cách: Hộp $\geq (10 \times 25$ mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	1000

		trương đương.		
8	Hóa chất xét nghiệm Urea	Định lượng Urê trong huyết máu người. Thành phần: R1 Buffer: TRIS pH 7,8: ≥ 80 mmol/L; α-Ketoglutarate: ≥ 6 mmol/L; Urease: ≥ 75000 U/L; R2 Enzymes: GLDH: ≥ 60000 U/L; NADH: $\geq 0,32$ mmol/L - UREA CAL: Urea aqueous primary standard: ≥ 50 mg/dL - Quy cách: Hộp $\geq (1 \times 240 \text{ mL} + 1 \times 60 \text{ mL})$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	600
9	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm sinh hoá	Chất hiệu chuẩn huyết thanh cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. - Quy cách: Hộp $\geq 12 \text{ mL}$ (4 x 3 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	72
10	QC mức thường cho các xét nghiệm sinh hoá.	Chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần ở mức thường dùng cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. - Quy cách: Hộp $\geq 20 \text{ mL}$ (4 x 5 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	80
11	QC mức bệnh lý cho các xét nghiệm sinh hoá.	Chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần ở mức bệnh lý dùng cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. - Quy cách: Hộp $\geq 20 \text{ mL}$ (4 x 5 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương.	ml	80

Phần thầu số 6 : Vật tư theo máy Sinh hoá A25 B oSystems				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
	MÁY SINH HOÁ A25			
1	Concentrated System Liquid	dung dịch rửa được thiết kế đặc biệt cho máy phân tích sinh hoá	Lít	4
2	concentrated Washing Solution	dung dịch rửa được thiết kế đặc biệt cho máy phân tích sinh hoá	ml	100
3	Sample well	cóng đựng bệnh phẩm dùng cho máy phân tích sinh hoá tự động A25	cái	3000
4	Halogen lamp	bóng đèn 12V-20W dùng cho máy phân tích sinh hoá tự động A25	cái	5
5	Reaction Rotor	Rotor làm từ chất liệu UV-VIS, tự động kiểm tra trạng thái	cái	10
Phần thầu số 7: Vật tư theo máy Sinh hoá Combi				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Sample cup	cóng đựng bệnh phẩm dùng cho máy phân tích sinh hoá tự động combi	cái	1.000
2	Tensioactive - Surfactant	dung dịch được thiết kế đặc biệt cho máy phân tích sinh hoá, là dung dịch không chứa các chất được cho là nguy hiểm cho con người hoặc môi trường.	ml	750
3	Halogen lamp	bóng đèn dùng cho máy phân tích sinh hoá combi	cái	5
4	Cuvette	Chất liệu nhựa cứng, dùng chứa mẫu, để đo trong máy quang phổ UV-VIS.	cái	300
5	Alkaflush	dung dịch được thiết kế đặc biệt cho máy phân tích sinh hoá, thành phần gồm Sodium hydroxide 4%, Non-ionic stabilizer <0.1 %	Lít	5

Phần thầu số 8: Vật tư bổ sung (Không theo máy)				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Giấy in máy khúc xạ, Giấy in nhiệt máy gọi số tự động.	hộp 10 cuộn (5.8cmx30m)	hộp	65
2	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp kháng khuẩn	Cái	30.500
3	Dung dịch Xanhmethylen	xanh methylen 0.3%	ml	500
4	dung dịch Lugol	Lugol 1%	ml	5.000
5	dung dịch Fucsin Base	fucsin 10%	ml	1000
6	dung dịch Aceton	CH ₃ COCH ₃ 99.5%	ml	1.000
7	Dung dịch tím Gential	tím gential 10%	ml	1.000
8	Dung dịch Cồn acid	cồn acid HCL 3%	ml	500
9	Dung dịch Fucsin Acid	fucsin acid 0.3 %	ml	500
10	Ống nghiệm Eppendorf	Ống nghiệm nhựa PP tinh khiết 0.5ml chia độ có nắp phẳng phía trên	cái	2000
11	Nước cất 1 lần	Nước cất 1 lần	Lít	600
12	Dung dịch KOH	KOH 30%	ml	2500

Phần thầu số 9: Vật tư sử dụng trong chẩn đoán				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Test nhanh chẩn đoán kháng thể HIV	Phát hiện và phân biệt các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.8%.	Test	200
2	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên viêm gan B	Độ nhạy 100% (95%CI: 96.2-100%); Độ đặc hiệu 100% (95%CI: 97.9-100%) . Giới hạn phát hiện 1ng/ml. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai.	Test	300
3	Test nhanh chẩn đoán Giang mai	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum. Độ nhạy tương quan: 99.3% và Độ đặc hiệu tương quan: 99.5% so với TPHA.	Test	200
4	Test nhanh Chlamydia	Định tính trực tiếp phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Độ nhạy >= 93,58% độ đặc hiệu >= 99,08%, Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis...	Test	50
Phần thầu số 10: Băng, Dung dịch sát khuẩn vết thương, khử trùng dụng cụ				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Băng (gòn)	Sản xuất 100% bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế hoặc gia dụng (chăm sóc vết thương, thấm hút chất dịch, vệ sinh bề mặt da,...) Băng dạng dải được xếp thành dạng cuộn để người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý.	Kg	198
2	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4%, diệt và loại trừ vi khuẩn, nấm trên tay. Mềm mại với da tay, tác dụng diệt khuẩn kéo dài. Sử dụng cho	Lít	63

		phẫu thuật viên trước khi phẫu thuật.		
3	Dung dịch rửa tay thủ thuật	Chlorhexidine Digluconate 2%, diệt và loại trừ vi khuẩn, tác động diệt khuẩn kéo dài 4-6 giờ. Sử dụng rửa tay thường quy.	Lít	75
4	Dung dịch rửa tay nhanh	75% Ethanol, 8% Isopropyl Alcohol, 0,5% Chlohexidine Digluconate. Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh, có chất dưỡng da. Có khả năng diệt hầu hết các loại vi khuẩn, nấm.	Lít	153
5	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao chứa 0,55% Ortho-Phthalaldehyde, pH=7 Thời gian ngâm tay 5 phút. Dung dịch trong chậu ngâm sử dụng trong thời gian tối đa là 14 ngày (kiểm tra nồng độ dung dịch ngâm bằng test thử).	Lít	20
6	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	dung dịch trong suốt màu xanh, Glutaraldehylen 2%, PH6, là dung dịch pha sẵn không cần lọ hoạt hóa. Khử khuẩn mức độ cao, tiết kiệm lạnh dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Thời gian ngâm khử khuẩn 10 phút, tái sử dụng tối đa 30 ngày.	Lít	20
7	Viên khử khuẩn 2,5g	50% Sodium Dichloroisocyanurate, dạng viên sủi tan nhanh trong nước, khử khuẩn chất thải y tế, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế. PH 5,5 - 6,5	Viên	2200
8	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ có hoạt tính Enzyme	Aniosyme Synergy 5 với sự kết hợp 5 enzym (Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase) tẩy rửa hiệu quả cao với mọi chất bẩn, hiệu quả sau 1 phút, PH trung tính.	Lít	12
9	Povidone 10% 100ml	Diệt khuẩn, dùng để sát khuẩn da trong phẫu thuật, tiêm chích, chọc dò, đặt catheter, lấy máu, povidone 10%. Lọ 100ml	Lọ	1095

Phần thầu số 11: Băng, gạc, vật liệu cầm máu điều trị vết thương

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Băng keo lụa	* Băng có cấu tạo nền vải lụa phủ lớp keo Acrylate ít gây dị ứng. Thành phần chính gồm: Băng vải lụa : 50-70%; Nền keo Acrylate : 30-50% * Băng có độ dính tốt, bền chắc và tiện lợi, thông thoáng cho da, không gây kích ứng, không sót keo khi tháo băng ra, chống thấm nước. * Thiết kế đặc biệt giúp dễ dàng xé băng theo	Cuộn	616

		2 chiều. * Thiết kế lõi giấy thân thiện với môi trường. * Kích thước: 2,5cm x 9,1m		
2	Gạc hút y tế (gạc mét)	Gạc hút nước 100% cotton. Gạc hút nước chế từ các loại vải thưa. Chỉ có sợi bông (100% cotton) đã được tẩy trắng và xử lý để có tác dụng hút nước. 1.2. Chất lượng thành phẩm: 1.2.1. Tính chất: Gạc hút nước hoàn toàn trắng, không được có lơ hoặc có màu phụ để làm trắng. Mỗi centimet vuông có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. 1.2.2. Thử tinh khiết: 1.2.2.1. Sợi khác: gạc hút nước chỉ có sợi bông 100% cotton, không có loại sợi nào khác. 1.2.2.2. Tốc độ hút nước: thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. 1.2.2.3. Giới hạn các tạp chất trong nước: - Clorid: không quá 0,01% - Sulfat: không quá 0,02% - Calci: không quá 0,06% - Giới hạn acid: phải đạt yêu cầu trong phương pháp thử. - Giới hạn kiềm: phải đạt yêu cầu trong phương pháp thử. - Chất khử: phải đạt yêu cầu trong phương pháp thử. - Giới hạn tinh bột: phải đạt yêu cầu trong phương pháp thử. 1.2.2.4. Chất béo và chất nhựa hòa tan trong ether mê: Không quá 0,3% 1.2.2.5. Chất màu phụ để làm trắng: phải đạt yêu cầu trong phương pháp thử. 1.2.2.6. Giảm khối lượng do sấy khô: không quá 8,5% 1.2.2.7. Tro: không quá 0,3%.	Mét	1500

Phần thầu số 12: Bơm tiêm

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Bơm tiêm nhựa 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1 1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp	Cái	2935

		tiêm hết thuốc, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO.		
2	Bơm tiêm nhựa 3ml	- Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Dung tích bơm tiêm: 3 ml/cc - Kim bằng thép không gỉ, kích thước kim: 23Gx1"-25Gx1" - Khử trùng bằng khí E.O, không độc, không gây sốt	Cái	50
3	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	36.330
4	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	7.334
Phần thầu số 13: Kim khâu phẫu thuật				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Bơm tiêm insulin 1ml	Kim 30Gx1/2", Đầu kim vát 3 cạnh sắc ngọt, xilanh được làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP	Cái	1000
2	Kim cánh bướm các cỡ	Kim 21Gx3/4, 23Gx3/4, 24Gx3/4, 25Gx3/4, 26Gx3/4. Ống dây truyền dài 300mm, Đầu kim vát ba cạnh giúp tiêm sắc ngọt.	Cái	1959
3	Kim lấy máu, lấy thuốc các cỡ	Kim 26Gx1/2", 25Gx5/8", 25Gx1", 24Gx1", 23Gx1", 22Gx1 1/4", 21Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 18Gx1 1/2". Đầu kim vát ba cạnh giúp tiêm sắc ngọt, sản phẩm được khử trùng bằng khí EO.	Cái	10572
Phần thầu số 14: Ống thông, dẫn lưu, chạc nối				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	Dây oxy 2 nhánh các cỡ được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng. Có hai mắt phụ, chiều dài 125 cm, bộ phận kết nối 3cm.	Cái	37

Phần thầu số 15: Dây truyền dịch				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Dây truyền dịch kèm kim cánh bướm đôi	Dây truyền dịch có dây dẫn dài 1750 mm. Tiệt trùng bằng khí EO không độc hại. Hàng hóa được đóng trong bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2x2cm, bình thủy có hai tai định hướng. Có kim cánh bướm, kim 23G x 1/2. Kim 22G x 1/2.	Bộ	2650
Phần thầu số 16 : Vật tư bổ sung (Theo máy)				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
	MÁY KHỬ KHUẨN			
1	Sanosil S 010	dung dịch sát khuẩn bề mặt qua đường không khí. - Thành phần: Hydrogen peroxide 5%. Dùng cho máy phun khử khuẩn bề mặt ALFASOL.	Lít	125
	MÁY SINH HIỂN VI Takagi- OM5			
1	Bóng đèn sinh hiển vi cho máy phẫu thuật Takagi OM - 5	15V/ 150W. Phù hợp với dòng SHV phẫu thuật Takagi Om-5	Cái	5
	MÁY SINH HIỂN VI (khoa khám bệnh)			
1	Bóng đèn cho máy sinh hiển vi khám bệnh Inami	Bóng đèn 12V-4.2A. Phù hợp với dòng SHV khám bệnh Inami	Cái	10
Phần thầu số 17: Vật tư bổ sung (Không theo máy)				
STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Mũ giấy	Mũ chụp tóc dùng 1 lần, chất liệu vải không dệt. Mỏng nhẹ che phủ tốt. Chun quanh đầu của chụp có độ đàn hồi tốt	Cái	19.300

		đảm bảo ôm sát đầu người sử dụng.		
2	Chỉ thị nhiệt 3M	Chỉ thị nhiệt hơi nước. Thành phần: Salicyamide. Chỉ thị kiểm tra chất lượng tiết khuẩn đa thông số bằng hơi nước. - Sản phẩm chỉ sử dụng một lần.	Cái	1.500
3	Bóng đèn gù 24V-25W		Cái	13
4	Cloramin B	Dạng bột, màu trắng ngà. Dùng pha dung dịch khử khuẩn. Chứa 25% clo hoạt tính.	Kg	5
5	Cloramin B dạng viên 200gram/viên	Viên xử lý nước thải trong y tế, dùng trong hệ thống xử lý nước thải. Hàm lượng 22 gram; Ph>.4%	kg	40
6	Kim châm cứu	Chất liệu kim loại ,kích thước 4,5cm.Gói có 60 cây .	Cây	120
7	Kim tiêm	Kim tiêm tê dùng trong nha khoa có thiết kế siêu sắc bén,vật liệu an toàn .Kim 27G x 0.4 - 21mm (kim ngắn)	cái	1.200
8	Săng mỗ	Làm từ vải không dệt, đã tiệt trùng	Bịch	10
9	Que nhuộm	Que nhuộm Fluorescein Sodium. Mỗi hộp chứa 100 que nhuộm, mỗi que nhuộm chứa 1mg fluorescein Natri được bảo quản vô khuẩn trong túi đựng riêng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 và iso 9001.	Que	2.000
10	Máy đo huyết áp+ Tai nghe	Ứng dụng công nghệ cảm biến thông minh, sử dụng phương pháp đo dao động, bơm hơi và xả hơi Tự động. Bộ nhớ 90 lần đo. Sử dụng 4 pin AA hoặc bộ đổi điện AC	Bộ	2
11	Băng Zilgo	Chất liệu vải co giãn tốt,gạc mềm không gây dính hoặc đau khi gỡ băng.Miếng băng được đựng trong bao riêng đảm bảo vệ sinh an toàn	Miếng	1.500
12	Pank 25cm	Chất liệu ninox ,dài 25cm ,không có máu	Chiếc	3
13	Bơm áp lực	Chất liệu ninox ,trọng lượng 150gr,bơm tiêm 1,8cc	chiếc	2
14	Khăn mỗ vô trùng dùng trong phẫu thuật mắt	Khăn phẫu thuật mắt 120x140 cm có màng phẫu thuật và túi thu dịch. Vải 5 lớp (SMMS 5 lớp 50gsm, 3anti: chống cồn, chống thấm nước, chống tĩnh điện; màng phẫu thuật, màng plastic trong)	Cái	2.100
15	Áo phẫu thuật vô trùng dùng trong	Áo phẫu thuật size M (SMMMS 5 lớp, 43 gsm, chống thấm cồn, chống thấm nước, chống tĩnh điện, 2 khăn thấm spunlace 70gsm). Vải bọc SPP 40gsm. Áo kích thước 150(W) x 125 (H) cm	Cái	1.500
16	Khăn trải bàn dụng cụ	Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 120 x 140 cm (Vải SMMS 3 lớp và màng plastic màu)	Cái	820
17	Dao mỗ số 15	Lưỡi dao mỗ Kiato số 15 được khử trùng bằng bức xạ gamma với một liều lượng TRÁI LỖI thiểu là 2.5M rad và được làm bằng 1 trong hai loại thép carbon hoặc thép không gỉ	Cái	1.650

18	Dao mổ số 11	Lưỡi dao mổ Kiato số 11 được khử trùng bằng bức xạ gamma với một liều lượng TRÁI đối thiểu là 2.5M rad và được làm bằng 1 trong hai loại thép carbon hoặc thép không gỉ	Cái	200

Phân thầu số 18: Dung dịch rửa vết thương

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Cồn 90 độ	Sát trùng dụng cụ y tế. Chai 500ml	Chai	991

Phân thầu số 19: Găng tay

STT	Tên trang thiết bị y tế	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ	Đôi	39950
2	Găng tay vô trùng dùng trong phẫu thuật, thủ thuật các cỡ	Găng tay vô trùng dùng trong phẫu thuật, thủ thuật các cỡ	Đôi	44650

Phụ lục II

(Kèm theo công văn số :66/ TM-BVM&DL ngày 15/6/2023 của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương)

(Tiêu đề công ty)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương

Công ty chúng tôi xin gửi tới quý viện bảng giá chi tiết của các mặt hàng như sau:

STT	Tên hàng hoá yêu cầu báo giá (tên hàng hoá mời thầu)	Tên thương mại của hàng hoá (tên hàng hoá dự thầu)	Ký mã hiệu/Hãng sản xuất/Xuất xứ	04 số đầu tiên của bộ mã HS của hàng hoá	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Số công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành/Số giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Phân loại TTBYT(A.B.C.D)	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Giá kê khai	Mã kê khai	Thông tin trúng thầu trong vòng 120 ngày (nếu có)					Thành tiền (Giá báo giá)
														BV/SYT tổ chức đấu thầu	Số QĐ phê duyệt kết quả LCNT	Ngày phê duyệt kết quả LCNT	Nhà thầu trúng thầu	Đơn giá trúng thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
...																			
...																			
...																			

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, thuế và phí khác, chi phí vận chuyển và thực hiện dịch vụ sau bán hàng tại Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương
Báo giá có hiệu lực đến.....

Ngày tháng năm 2023
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)